

Số: 08/2026/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao
và mức chi tổ chức các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 26/2018/QH14, Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 145/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định về nhuận
bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các
loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao được
sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 31/2024/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ,
chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức
hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;*

*Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ
trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;*

*Xét Tờ trình số 935/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức
chi cho thành viên đội thể thao và mức chi tổ chức các giải thể thao trên địa bàn
tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 59/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2026
của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao và mức chi tổ chức các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao và mức chi tổ chức các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 117/2025/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao; khoản 2 Điều 21 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng có liên quan đến công tác tổ chức giải thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, gồm:

- a) Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức và các tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao;
- b) Thành viên ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;
- c) Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải thi đấu; thư ký trọng tài, điều phối viên các môn bóng đá, futsal;
- d) Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ;
- đ) Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ và các lực lượng khác có liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu;
- e) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Thành viên đội thể thao được cơ quan có thẩm quyền quyết định triệu tập để tập trung tập huấn (tập luyện, huấn luyện) và thi đấu gồm:

- a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước;
- b) Nhân viên y tế (bác sỹ, kỹ thuật y) đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu tỉnh hưởng lương hoặc không hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế làm việc hoặc luyện tập, thi đấu thường xuyên trước khi được triệu tập tập huấn, thi đấu (sau đây gọi là cơ quan quản lý).

4. Cơ quan, tổ chức trực tiếp sử dụng huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế sau khi được triệu tập tập huấn, thi đấu (sau đây gọi là cơ quan sử dụng).

Cơ quan quản lý có thể đồng thời là cơ quan sử dụng.

Điều 3. Quy định mức chi đối với các giải thi đấu thể thao

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu thể thao:

a) Đối tượng và mức chi:

Stt	Đối tượng	Mức chi (đồng/người)	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Ban chỉ đạo, ban tổ chức, trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn	170.000/ngày	120.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	140.000/ngày	100.000/ngày
3	Giám sát, Trọng tài chính (<i>không bao gồm môn bóng đá 11 người, bóng đá Futsal, bóng đá 5 - 7 người, bóng chuyền da, bóng rổ, bóng ném</i>)	170.000/buổi	120.000/buổi
4	Thư ký, Trọng tài khác (<i>không bao gồm môn bóng đá 11 người, bóng đá Futsal, bóng đá 5 - 7 người, bóng chuyền da, bóng rổ, bóng ném</i>)	120.000/buổi	90.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, bảo vệ và các lực lượng khác có liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu	70.000/buổi	50.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao, Ngày hội, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, cấp xã)		
a	Người tập		
-	Tập luyện	60.000/buổi	50.000/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	80.000/buổi	60.000/buổi
-	Chính thức	140.000/buổi	100.000/buổi
b	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	120.000/buổi	90.000/buổi
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá 11 người, bóng đá Futsal, bóng đá 5 - 7 người, bóng chuyền da, bóng rổ, bóng ném		
a	Giải Bóng đá nam, nữ 11 người		
-	Trọng tài chính	280.000/trận	200.000/trận
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	190.000/trận	140.000/trận

Stt	Đối tượng	Mức chi (đồng/người)	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Điều phối viên	140.000/trận	100.000/trận
b	Giải Futsal, bóng đá 5 - 7 người, bóng chuyền đa, bóng rổ, bóng ném		
-	Trọng tài chính	190.000/trận	140.000/trận
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	140.000/trận	100.000/trận
-	Điều phối viên	105.000/trận	80.000/trận

b) Đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này được xác định theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

c) Nguyên tắc chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

Được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế. Số ngày làm nhiệm vụ, buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày.

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại:

Đối với các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này: thời gian được thanh toán bao gồm thời gian tham gia giải thi đấu và tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu; mức chi cụ thể như sau:

Tiền ăn trong thời gian tham gia giải thi đấu thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND.

Trường hợp người đi công tác đã được cơ quan, đơn vị nơi cử đi công tác hoặc cơ quan, đơn vị nơi đến công tác bố trí phương tiện vận chuyển và phòng nghỉ miễn phí thì không được thanh toán các khoản chi phí tương ứng này.

3. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao toàn quốc): thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác

phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Các khoản chi khác: thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với các nội dung chưa được quy định chi tại Nghị quyết này và các văn bản pháp luật khác thì thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc, theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong phạm vi dự toán được giao:

- a) Chi tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, trang trí, thuê trang phục, đạo cụ;
- b) Chi thuê phương tiện truyền thông, tuyên truyền, họp báo, hội nghị, hội thảo, tập huấn trọng tài;
- c) Chi phí đi lại (đối với các đối tượng chưa quy định tại khoản 2 Điều này), thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải;
- d) Chi làm huy chương, cờ, cúp;
- đ) Chi in vé, giấy mời;
- e) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu;
- g) Chi khám phân loại thương tật (đối với các giải thể thao người khuyết tật);
- h) Các khoản chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

5. Đối với các giải thi đấu cấp quốc gia và quốc tế do tỉnh đăng cai tổ chức, mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 117/2025/TT-BTC.

Điều 4. Nội dung và mức chi tiền lương tập trung tập huấn, thi đấu

1. Đối tượng huấn luyện viên, vận động viên, nhân viên y tế đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu không hưởng lương từ ngân sách:

Đơn vị tính: Đồng/người/ngày

Stt	Đội tuyển	Mức lương tính theo ngày công thực tế
1	Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu tỉnh	360.000
2	Huấn luyện viên đội tuyển trẻ tỉnh	360.000
3	Huấn luyện viên đội tuyển tỉnh	430.000
4	Vận động viên đội tuyển năng khiếu tỉnh	110.000
5	Vận động viên đội tuyển trẻ tỉnh	150.000
6	Vận động viên đội tuyển tỉnh	360.000

Nhân viên y tế không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: bác sỹ được chi trả tiền lương bằng tiền lương của huấn luyện viên đội tuyển tương ứng; kỹ

thuật y được chi trả tiền lương bằng tiền lương của vận động viên đội tuyển tương ứng.

2. Đối tượng huấn luyện viên, nhân viên y tế đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu, được hưởng lương từ ngân sách: được giữ nguyên lương đang hưởng (bao gồm mức lương, phụ cấp lương nếu có) do cơ quan quản lý chi trả; được hưởng khoản tiền bù chênh lệch trong trường hợp lương đang hưởng (tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường trong tháng) thấp hơn so với tiền lương quy định tại khoản 1 Điều này.

Tiền lương tính bình quân theo số ngày làm việc bình thường được xác định bằng tiền lương của tháng trước liền kề trước khi huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập chia cho 26 ngày.

Điều 5. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng

1. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn ở trong nước:

Là số ngày huấn luyện viên, vận động viên tham gia tập trung tập huấn (tập luyện, huấn luyện) theo quyết định của cấp có thẩm quyền; mức chi cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng/người/ngày

Stt	Đội tuyển	Mức ăn hàng ngày
1	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	190.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	250.000
3	Đội tuyển tỉnh	300.000

2. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu các giải thể thao trong nước:

Đơn vị tính: Đồng/người/ngày

Stt	Đội tuyển	Mức ăn hàng ngày
1	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	300.000
2	Đội tuyển trẻ tỉnh	300.000
3	Đội tuyển tỉnh	400.000

Điều 6. Chế độ đãi ngộ đặc thù và chăm sóc sức khỏe

1. Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho vận động viên đạt thành tích xuất sắc

a) Ngoài chế độ dinh dưỡng, tiền lương theo quy định; vận động viên đạt thành tích xuất sắc còn được hưởng chế độ hỗ trợ hàng tháng để khuyến khích với mức quy định cụ thể như sau:

- Huy chương vàng Olympic Games: 40.000.000 đồng/người/tháng;

- Huy chương bạc Olympic Games: 30.000.000 đồng/người/tháng;
- Huy chương đồng Olympic Games, Huy chương vàng ASIAD, Huy chương vàng Paralympic Games: 20.000.000 đồng/người/tháng;
- Huy chương bạc Paralympic Games: 15.000.000 đồng/người/tháng;
- Vận động viên vượt qua vòng loại tham dự Olympic Games, Huy chương đồng Paralympic Games: 10.000.000 đồng/người/tháng.

Thời gian hưởng chế độ: các đối tượng quy định nêu trên được hưởng chế độ tính từ thời điểm đạt được thành tích tại Đại hội đến kỳ Đại hội tiếp theo. Trường hợp vận động viên cùng lúc đủ điều kiện hưởng nhiều chế độ thì chỉ được hưởng chế độ ở mức cao nhất.

b) Mức hỗ trợ đối với vận động viên lập thành tích tại các Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế: ngoài tiền thưởng của trung ương, vận động viên theo từng trường hợp cụ thể được hỗ trợ 50% mức quy định theo Phụ lục I của Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

2. Chế độ hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia

a) Huấn luyện viên, vận động viên thuộc các đội tuyển thể thao (gồm đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu, đội tuyển thể thao người khuyết tật) được triệu tập tập huấn tại các đội tuyển quốc gia theo quyết định triệu tập của cơ quan có thẩm quyền.

Đội tuyển quốc gia: 5.000.000 đồng/người/tháng;

Đội tuyển trẻ quốc gia: 4.000.000 đồng/người/tháng.

b) Thời gian hưởng chế độ:

Số ngày trong tháng được triệu tập không quá 15 ngày: thời gian hưởng chế độ là 1/2 (một nửa) tháng;

Số ngày trong tháng được triệu tập trên 15 ngày: thời gian hưởng chế độ là 01 (một) tháng.

3. Chế độ hỗ trợ vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia

- Kien tướng quốc gia: 2.000.000 đồng/người/tháng;

- Vận động viên đạt đẳng cấp quốc tế: mức hỗ trợ để khuyến khích bằng 200% so với mức hỗ trợ vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia.

Trường hợp vận động viên bị kỷ luật (từ đình chỉ thi đấu trở lên) hoặc chuyển sang thi đấu cho đơn vị, địa phương khác không thuộc tỉnh, thì vận động viên đang được hưởng chế độ hỗ trợ tương ứng sẽ không được tiếp tục hưởng chế độ hỗ trợ kể từ thời điểm quyết định kỷ luật hoặc quyết định chuyển đơn vị có hiệu lực.

Thời gian hưởng chế độ: tối đa 12 tháng, tính từ tháng cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phong đẳng cấp đến lần ban hành Quyết định phong đẳng cấp tiếp theo.

4. Chế độ thực phẩm chức năng đối với vận động viên thể thao thành tích cao

a) Chế độ thực phẩm chức năng trong thời gian tập huấn trước thi đấu và thi đấu cho vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội năng khiếu tham gia các giải thể thao thành tích cao: 50.000 đồng/người/ngày;

b) Thời gian chi chế độ thực phẩm chức năng cho vận động viên được tính theo thực tế tại các buổi tập luyện trước thi đấu giải 10 ngày và trong thời gian thi đấu theo Điều lệ của giải ban hành.

5. Chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên nữ

Huấn luyện viên nữ là thành viên đội tuyển năng khiếu; huấn luyện viên, vận động viên nữ đội tuyển trẻ, đội tuyển tỉnh trong thời gian tập trung, tập huấn thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ: 1.100.000 đồng/người/tháng.

6. Huấn luyện viên, vận động viên được chăm sóc sức khỏe, chữa trị chấn thương: huấn luyện viên, vận động viên được kiểm tra sức khỏe ban đầu ngay khi được tuyển chọn vào các cơ sở đào tạo và các đội tuyển thể thao; kiểm tra sức khỏe định kỳ ít nhất 2 lần/năm; kiểm tra sức khỏe trước khi tham gia thi đấu các giải thể thao thành tích cao; vận động viên được chăm sóc sức khỏe hồi phục chức năng và chữa trị chấn thương tại các cơ sở y tế trong nước.

7. Huấn luyện viên, vận động viên tham gia tập huấn, thi đấu các giải thể thao dành cho người khuyết tật các cấp được hưởng các chế độ hỗ trợ, khuyến khích tương ứng quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2, 3, 4, 5, 6 của Điều này.

Mức hỗ trợ đối với vận động viên lập thành tích tại các Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế: ngoài tiền thưởng của trung ương, vận động viên theo từng trường hợp cụ thể được hỗ trợ 50% mức quy định theo Phụ lục II của Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết được bảo đảm từ các nguồn sau: nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn vận động, tài trợ, xã hội hóa và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ phát triển thể dục, thể thao của địa phương, đặc biệt là nhiệm vụ đào tạo, tập huấn, thi đấu và phát triển thể thao thành tích cao, hằng năm ngân sách tỉnh xem xét bố trí kinh phí phù hợp trong dự toán chi sự nghiệp thể dục, thể thao để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Trường hợp nguồn kinh phí phân bổ theo tiêu chí dân số và định mức chi thường xuyên chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đặc thù của thể thao thành tích cao, cơ quan được giao quản lý lĩnh vực thể dục, thể thao chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bổ sung kinh phí theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật.

4. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao và chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khoá XI, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra VB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán nhà nước Khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Ngô Chí Cường